

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 163/2024/ HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2024

V/v Ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Thanh**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Sỹ Danh Huệ**; Ông **Dương Như Suất**.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Hà** - Thư ký Toà án;
- *Đại diện Viện KSND huyện Q tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Cúc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2024/TLST - HNGĐ ngày 12/6/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26^b/2024/ QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐHPT-HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1987;

Bị đơn: Anh **Đôn Văn V**, sinh năm 1981;

Đều có HKTT và nơi ở: Thôn 2, xã P, huyện Q, TP. Hà Nội.

Chị D có mặt tại phiên tòa; Anh V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2024, các tài liệu khác có trong hồ sơ và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Tôi và anh Đôn Văn V kết hôn ngày 05/5/2008 và đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Trước khi cưới hai bên tìm hiểu khoảng 3, 4 năm. Sau khi tìm hiểu vợ chồng thấy hợp nhau nên đã quyết định tiến tới hôn nhân. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà chồng ở thôn 2, xã P.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V hay chơi bời, rượu chè, cờ bạc báo nợ về gia đình. Anh V mãi chơi không quan tâm đến gia đình, con cái không hỏi han gì đến. Mọi việc làm ăn trong gia đình do một mình tôi lo toan. Anh V không những không giúp đỡ gì cho tôi mà còn thỉnh thoảng báo nợ. Vợ chồng tôi thu nhập từ nghề nướng thịt không được là bao nên mỗi lần báo nợ hàng trăm triệu vợ chồng lại to tiếng với nhau. Tuy nhiên vợ chồng tôi chưa lần nào nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Có mấy lần anh V đánh tôi nhưng sau đó cũng không xin lỗi tôi mà để mặc cho tôi tự chịu đựng. Ở gia đình tôi, không ai nói được anh V cả. Anh thích làm gì thì làm đến bố mẹ anh cũng không khuyên bảo được. Tôi lại là phụ nữ nên cứ chịu đựng hết lần này đến lần khác, cứ bỏ qua cho anh V để cho con cái có bố có mẹ. Hơn nữa, do vợ chồng tôi vẫn làm hàng ăn chung với nhau để duy trì kinh tế gia đình nên tôi buộc phải chọn cách tha thứ cho anh V để gia đình êm ấm. Đến năm 2021 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, anh V càng ngày càng thờ ơ, vô trách nhiệm với vợ con. Có tuần anh V đi suốt đến nỗi không thấy về nhà ăn cơm khiến cho tôi cảm thấy giờ có chồng cũng như không, lại còn thêm phiền toái cho tôi. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi cương quyết làm đơn xin ly hôn anh V để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi và anh V có 03 con chung là Đôn Thúy H, sinh ngày 26/3/2009; Đôn Ngọc L, sinh ngày 14/7/2011 và Đôn Anh D, sinh ngày 10/9/2013. Hiện nay các cháu đang sống cùng vợ chồng tôi.

Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp anh V không đồng ý cho tôi được nuôi cả 3 cháu thì tôi có nguyện vọng được nuôi cháu H và cháu D. Anh V nuôi cháu L, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức chung: Vợ chồng tôi đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung.

**Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Đôn Văn V trình bày:*

Tôi và chị D tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 05/5/2008. Trước khi cưới vợ chồng tôi có tìm hiểu khoảng 2- 3 năm. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà chồng ở xóm 5, thôn 2 xã P. Từ khi cưới đến nay vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Lý do chị D làm đơn xin ly hôn tôi, tôi không

biết. Vợ chồng tôi vẫn sinh hoạt, chúng sống với nhau cho đến nay không có va chạm gì. Mọi công việc sinh hoạt trong gia đình đều do chị D quyết định. Thỉnh thoảng vợ chồng có cãi vã, đôi lần có xô sát nhưng chưa đến mức trầm trọng, chúng tôi vẫn chung sống cùng một nhà. Nay chị D làm đơn xin ly hôn tôi, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được đoàn tụ.

Về con chung: Tôi và chị D có 03 con chung là Đôn Thúy H, sinh ngày 26/3/2009; Đôn Ngọc L, sinh ngày 14/7/2011 và Đôn Anh D, sinh ngày 10/9/2013. Hiện nay các cháu đang sống cùng vợ chồng tôi.

Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả 3 cháu và không có yêu cầu chị D phải đóng góp nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con chung: Vợ chồng tôi làm chung với nhau, cùng làm hàng ăn (kinh doanh đồ ăn sẵn), mọi thu nhập do chị D cầm nên tôi không biết.

Về tài sản chung, công sức chung: Năm 2018 vợ chồng có làm được 01 ngôi nhà nhà 1 tầng, 01 tum, diện tích sàn khoảng 80 mét vuông làm từ năm 2018 hết khoảng 1 tỷ đồng. Vợ chồng tôi tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

**Theo biên bản lấy lời khai của mẹ đẻ bị đơn là bà Nguyễn Thị A trình bày:*

Năm 2008 vợ chồng tôi tổ chức cưới cho anh V và chị D. Cưới xong vợ chồng chung sống với nhau luôn tại nhà tôi. Quá trình chung sống, tôi không thấy vợ chồng anh V chị D không có mâu thuẫn gì trầm trọng cả. Thỉnh thoảng anh V có uống rượu say, vợ chồng có cãi vã nhau nhưng tôi nghĩ chuyện vợ chồng thì gia đình nào cũng thế, ít nhiều cũng phát sinh những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống chứ chưa đến mức phải đâm đơn ly hôn lên Tòa để ly hôn. Do vợ chồng tôi sống ở tầng 1, còn anh V chị D cùng các con sống ở tầng 2 nên chuyện vợ chồng anh chị cãi vã nhau là vì lý do gì thì vợ chồng tôi cũng không biết. Tôi chỉ thấy sau mỗi lần cãi vã anh V và chị D vẫn chung sống hòa thuận chứ không có có giận hờn nhau, cũng chưa có ly thân lần nào. Còn thực tế anh chị có tự hòa giải được mâu thuẫn với nhau hay không thì vợ chồng tôi cũng không rõ và không hỏi đến.

Đầu tháng 7/2024, chị D có xin phép vợ chồng tôi về nhà mẹ đẻ ở tại xóm 2, thôn 1, xã P và sống cho đến nay. Vợ chồng tôi không thấy có mâu thuẫn gì với con dâu cả, còn anh V chị D có phát sinh mâu thuẫn gì với nhau không thì chúng tôi không biết.

Nay chị D có đơn xin ly hôn anh V, tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị chưa

đến mức trầm trọng và để cho con cái có bố mẹ nên tôi đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để cho vợ chồng anh V và chị Duyên về đoàn tụ với nhau.

** Theo biên bản lấy lời khai của các con chung của chị D và anh V:*

Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Đôn Thúy H và Đôn Anh D có nguyện vọng được ở với chị D; Còn cháu Đôn Ngọc L có nguyện vọng được ở với anh V.

** Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh V và được quyền nuôi 2 con chung. Về tài sản chị D không yêu cầu Tòa giải quyết để vợ chồng chị tự giải quyết.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử (HĐXX) thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn ly hôn của chị D xin ly hôn anh V để giải phóng cho cả hai người.

+ Về con chung: Chị D và anh V có 03 con chung là Đôn Thúy H, sinh ngày 26/3/2009; Đôn Ngọc L, sinh ngày 14/7/2011 và Đôn Anh D, sinh ngày 10/9/2013. Đề nghị HĐXX căn cứ nguyện vọng của các cháu và điều kiện hoàn cảnh của các bên giao con chung là Đôn Thúy H và Đôn Anh D cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Đôn Ngọc L cho anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không bên nào yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D và anh V cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

+ Về tài sản chung, công sức: Chị D và anh V đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị D và anh V đều xác nhận vợ chồng không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Chị D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tố tụng: Anh Đôn Văn V có HKTT và nơi ở tại thôn 2, xã P, huyện Q nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Q.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn cố tình lẩn tránh, không đến Tòa làm việc và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có lý do nên theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Theo lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong vụ án, HĐXX có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 05/5/2008 tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V không có trách nhiệm với vợ, con thường xuyên cò bạc và báo nợ nhiều lần nên mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng. Anh V hay say rượu, đánh chửi vợ con nên chị D quá mức chịu đựng không còn tình cảm với anh V nữa đã bỏ về nhà mẹ đẻ cùng hai con và đang xây dựng nhà ở và làm đơn xin ly hôn anh V. Còn anh V xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên có nguyện vọng được đoàn tụ để con cái có bố có mẹ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng đã trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị

D, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn với anh V.

[2.2]. Về con chung: Chị D và anh V có 03 con chung là Đôn Thúy H, sinh ngày 26/3/2009; Đôn Ngọc L, sinh ngày 14/7/2011 và Đôn Anh D, sinh ngày 10/9/2013.

HĐXX xét thấy về điều kiện nuôi con chung của chị D và anh V là như nhau, các bên đều có công việc ổn định đủ để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống tốt nên căn cứ vào nguyện vọng của các cháu, HĐXX quyết định giao con chung là Đôn Thúy H và Đôn Anh D cho chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Đôn Ngọc L cho anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do không bên nào yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D và anh V cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

[2.4] Về tài sản chung, công sức: Chị D và anh V đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị D và anh V không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 và Điều 227; Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với và Đôn Văn V.

1. Về hôn nhân: Xử: Chị **Nguyễn Thị D** ly hôn anh **Đôn Văn V**.

2. Về con chung: Chị D và anh V có 03 con chung là Đôn Thúy H, sinh ngày 26/3/2009; Đôn Ngọc L, sinh ngày 14/7/2011 và Đôn Anh D, sinh ngày 10/9/2013.

Giao chị D quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đôn Thúy H và Đôn Anh D cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Giao anh V quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đôn Ngọc L cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Chị D và anh V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D và anh V cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công sức chung: Do chị D và anh V đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

6. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020050 ngày 12/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

7. Về quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thanh